

Bản án số: 16/2021/KDTM-ST
Ngày 23-12-2021
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Lệ Chi
2. Ông Phan Văn Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 11/2021/TLST-KDTM ngày 06 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST-KDTM ngày 13 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Việt T, sinh năm 1956; địa chỉ: Xóm 12, xã X, huyện Y, tỉnh N.

Người đại diện hợp pháp:

1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955; địa chỉ: Số 162, đường K, thành phố V, tỉnh N – là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 09/01/2020). Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Trọng V, sinh năm 1991; địa chỉ: 27A/1 Quốc lộ 1K, Khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh B – là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 25/5/2021). Có mặt.

- Bị đơn: Công ty cổ phần Tập đoàn H; địa chỉ: Số 09, đại lộ T, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp:

1. Anh Huỳnh Thanh T, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 183 Nguyễn Văn T, phường 10, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh – là người đại diện theo ủy quyền. Có mặt.

2. Anh Trần Tuấn C; sinh năm 1997; địa chỉ: Số 183 N, phường 10, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh – là người đại diện theo ủy quyền. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng thương mại cổ phần C; địa chỉ: 108 phố T, phường C, quận H, Thành phố Hà Nội. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bà Trần Thị H; địa chỉ: Xóm 12, xã X, huyện Y, tỉnh N. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Viết T; địa chỉ: Xóm 12, xã X, huyện Y, tỉnh N. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

4. Công ty TNHH MTV H; địa chỉ: Cụm Công nghiệp K, thị trấn K, huyện T, tỉnh H. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 01/01/2021, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Viết T trình bày:

Ngày 07/6/2019 ông Nguyễn Viết T và Công ty cổ phần tập đoàn H (gọi tắt là công ty H) ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 27-MB/HĐNT/2019, theo đó ông Tôn làm đại lý bán hàng cho Công ty H ở Nghệ An. Hai bên đã chấm dứt hợp đồng nhưng chưa giải quyết được 1 số vấn đề. Trước khi thỏa thuận chấm dứt hợp đồng, trong cuộc họp giữa ông T với Công ty H- Chi nhánh Vinh ngày 15/11/2019 có nội dung Công ty H có đề nghị hỗ trợ ông T bán hộ những mặt hàng dễ tiêu thụ, còn đối với những mặt hàng khó tiêu thụ ở thị trường Nghệ An thì Công ty H sẽ thu hồi. Mặc dù thỏa thuận như vậy, công nợ vẫn chưa xác nhận mà công ty H đã bắt ông T phải thanh toán nợ và Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Bắc Nghệ An đã chuyển tiền thanh toán cho Công ty H.

Tại biên bản họp ngày 15/11/2019 ông T nêu ý kiến chỉ đồng ý thanh toán số công nợ 149.949.887 đồng sau khi Công ty H hỗ trợ thu hồi số hàng tồn đọng. Hai bên đã thống nhất như vậy, nhưng Công ty H không thực hiện theo nội dung thống nhất tại Biên bản họp mà gửi văn bản đề nghị thu hồi nợ. Đồng thời, số hàng này ông T không có đơn đặt hàng mà Công ty H lại tự ý giao hàng cho ông T. Trong hợp đồng có nêu rõ các lần giao hàng Công ty H phải thông báo về thời gian và địa điểm giao hàng nhưng Công ty H không thực hiện đúng. Người ký nhận hàng là anh Nguyễn Viết T1 (con ông T) không có giấy ủy quyền hoặc giấy giới thiệu của ông T nhưng Công ty H vẫn giao. Do Công ty H tự ý giao những mặt hàng mà ông T không đặt nên dẫn tới hàng bị tồn đọng gây thiệt hại cho ông T, sau đó Công ty H đã hứa sẽ hỗ trợ bán hoặc thu hồi nhưng cũng không thực hiện mà buộc ông T phải thanh toán tiền nên ông T khởi kiện Công ty H yêu cầu giải quyết những vấn đề sau:

Công ty H phải nhận lại hàng tồn kho của ông T theo danh mục kèm theo đơn khởi kiện; đồng thời phải thanh toán cho ông T số tiền 295.895.764 đồng, trong đó bao gồm: trị giá hàng hóa trả lại 199.949.887 đồng, bồi thường thiệt hại 60.000.000 đồng, phạt vi phạm hợp đồng là 15.995.990 đồng (bằng 8% của tổng giá trị chịu phạt 199.949.887 đồng), tiền lãi đối với số tiền đã chuyển cho Công ty H: 19.949.887 đồng (bằng $199.949.887 \text{ đồng} \times 10\% / \text{năm} \times 12 \text{ tháng}$ (kể từ thời điểm chuyển tiền tháng 12/2019 đến thời điểm khởi kiện tháng 11/2020)). Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Công ty H bồi thường thiệt hại 60.000.000 đồng, phạt vi phạm hợp đồng là 15.995.990 đồng, trả tiền lãi 19.949.887 đồng; thay đổi yêu cầu khởi kiện từ yêu cầu Công ty H phải nhận lại hàng tồn kho và trả lại số tiền 199.949.887 đồng thành yêu cầu thu hồi lại số hàng tồn kho theo danh mục kèm theo đơn khởi kiện và hoàn lại cho ông T số tiền tương ứng với đơn giá các mặt hàng nhận lại theo đơn giá Công ty H đã bán cho ông T.

- Tại bản tự khai ngày 19/5/2021, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn Công ty H trình bày:

Giữa ông T và công ty H có ký với nhau hợp đồng nguyên tắc số 27-MB/HĐNT/2019 ngày 07/6/2019, đây là hợp đồng mua bán hàng hóa chứ không phải hợp đồng đại lý như phía ông T trình bày. Do đó, quan hệ giữa Công ty H với ông T thực chất là việc mua đứt bán đoạn chứ không phải ông T là đại lý cho Công ty H.

Quá trình thực hiện hợp đồng này diễn ra bình thường như bao khách hàng khác của Công ty H. Từ khi ký hợp đồng đến ngày 02/8/2019 Công ty H đã giao cho ông T tất cả 08 phiếu giao hàng với tổng số tiền hàng là 261.102.535 đồng. Ông T cho rằng những hàng tồn mà ông liệt kê theo Đơn khởi kiện là những mặt hàng mà ông không đặt, tuy nhiên số hàng này qua rà soát là nằm trong 02 phiếu giao hàng cùng ngày 19/6/2019 (phiếu số 123.2727392 và phiếu số 124.2727515). Đây là số hàng được giao tại kho của Công ty H, ông T vừa là khách hàng vừa là đơn vị vận chuyển, ông T dùng xe của chính ông để vận chuyển và trên phiếu giao hàng có ghi số xe của đơn vị nhận hàng là 37C-32955. Giá trị đơn hàng này cùng với số hàng mà con ông T là anh Nguyễn Việt T1 nhận theo các phiếu giao hàng ngày 10/7/2019 (phiếu số 123.2828069, 123.2828850), ngày 11/7/2019 (phiếu số 123.2834864), ngày 22/7/2019 (phiếu số 123.2889108) đã được hai bên ký Biên bản xác nhận công nợ ngày 07/8/2019 xác nhận số nợ là 199.949.887 đồng; ngày 15/12/2019 sau khi ông T đã thanh toán được 1 phần nợ thì hai bên tiếp tục xác lập biên bản công nợ với số nợ còn lại là 141.910.887 đồng. Nếu ông T không mua hàng thì tại sao ông T lại chở hàng về kho của mình, ký xác nhận công nợ. Đồng thời, ngày 10/01/2020, bà Trần Thị H là vợ ông T được ông T ký ủy quyền cũng đã thanh toán toàn bộ số nợ còn lại cho Công ty H.

Ông T mua hàng của Công ty H để bán lại, nhưng kinh doanh không hiệu quả nên hai bên chấm dứt thực hiện hợp đồng. Trong hợp đồng mua bán thì bên bán không có nghĩa vụ tiêu thụ hàng hóa dùm bên mua. Tại biên bản làm việc

ngày 15/11/2019, ông T có đề nghị Công ty H hỗ trợ tiêu thụ hàng hóa dùm và thu hồi những mặt hàng khó tiêu thụ, nhân viên Công ty H có đưa ra đề nghị sẽ xin ý kiến cấp trên về việc này, tuy nhiên sau khi về báo lại thì người có thẩm quyền của Công ty H không đồng ý. Hai bên đã xác nhận công nợ, việc hỗ trợ tiêu thụ hàng chỉ là Công ty H có thiện chí muốn giúp ông T chứ không có nghĩa là bắt buộc. Việc mua bán đã giao nhận hàng, đã xuất hóa đơn, đã xác nhận công nợ, đã thanh toán nên Công ty H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T.

- Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 02/7/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV H trình bày:

Công ty H và ông Nguyễn Viết T có ký với nhau Hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán ống nhựa và phụ kiện ống nhựa (gọi tắt là Hợp đồng). Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, khi ông Nguyễn Viết T có nhu cầu mua hàng thì Chi nhánh công ty H tại tỉnh Nghệ An sẽ phân công Cửa hàng gần địa chỉ của khách hàng sẽ là đơn vị trực tiếp thực hiện. Nếu hàng hóa tại Cửa hàng không đủ để giao cho khách hàng thì Chi nhánh sẽ liên hệ với Công ty TNHH MTV H (gọi tắt là Nhà máy) để cung cấp hàng hóa. Khách hàng có thể đến trực tiếp Nhà máy nhận hàng hoặc Nhà máy sẽ chuyển về Cửa hàng, sau đó Cửa hàng sẽ bán cho khách hàng (tùy vào các bên thỏa thuận). Công ty cổ phần Tập đoàn H – Chi nhánh tỉnh Nghệ An sẽ là đơn vị xuất hóa đơn, đơn giá bán ra sẽ do Cửa hàng áp dụng theo mức giá đã được Công ty H ấn định trên toàn hệ thống.

Ngày 19/6/2019, ông Nguyễn Viết T có đến Nhà máy để nhận hàng hóa bằng xe của ông T. Tại nhà máy, hàng hóa đã được giao cho ông Nguyễn Viết T để ông trực tiếp vận chuyển hàng hóa về cửa hàng của ông. Do ông vừa là khách hàng, vừa trực tiếp nhận hàng tại Nhà máy nên ông T có thể ký tên vào đơn vị vận chuyển và/hoặc đơn vị nhận hàng. Ngày 19/6/2019, bộ phận phụ trách xuất hàng đã giao hàng cho ông T theo 02 Phiếu giao hàng, cụ thể: Phiếu giao hàng số 124.2727515 (xuất từ kho 124-Kho mua hàng nội bộ Hoa Sen Hà Nam) và Phiếu giao hàng số 123.2727392 (xuất từ kho 123-Kho cung ứng nhựa Hoa Sen Hà Nam). Việc giao hàng của Nhà máy cho ông Nguyễn Viết T đã được hoàn tất.

Ngoài việc nhận hàng trực tiếp của ông Nguyễn Viết T tại Nhà máy vào ngày 19/6/2019, giữa Nhà máy và ông Nguyễn Viết T còn có các đợt giao nhận hàng vào các ngày: 10/7/2019, 11/7/2019 và 22/7/2019, cụ thể như sau:

Ngày 10/7/2019, Nhà máy đã giao hàng cho ông Nguyễn Viết T theo Phiếu giao hàng số 123.2828069 (xuất từ kho 123-Kho cung ứng nhựa Hoa Sen Hà Nam) và Phiếu giao hàng số 124.2828850 (xuất từ kho 124-Kho mua hàng nội bộ Hoa Sen Hà Nam). Phía ông Nguyễn Viết T do ông Nguyễn Viết T1 (con trai ruột của ông T) đã nhận hàng và ký tên vào các Phiếu giao hàng.

Ngày 11/7/2019, Nhà máy đã giao hàng cho ông Nguyễn Viết T theo Phiếu giao hàng số 123.2828069 (xuất từ kho 123-Kho cung ứng nhựa Hoa Sen Hà Nam). Phía ông Nguyễn Viết T do ông Nguyễn Viết T1 (con trai ruột của ông T) đã nhận hàng và ký tên vào Phiếu giao hàng.

Ngày 22/7/2019, Nhà máy đã giao hàng cho ông Nguyễn Viết T theo Phiếu giao hàng số 123.2889108 (xuất từ kho 123-Kho cung ứng nhựa Hoa Sen Hà Nam). Phía ông Nguyễn Viết T do ông Nguyễn Viết T1 (con trai ruột của ông T) đã nhận hàng và ký tên vào Phiếu giao hàng.

Toàn bộ số hàng hóa nêu trên là do Công ty H, đại diện là Chi nhánh H tỉnh Nghệ An là đơn vị bán hàng cho ông Nguyễn Viết T; Công ty TNHH MTV H đóng vai trò là đơn vị cung cấp hàng hóa theo số lượng mà Chi nhánh H yêu cầu dựa trên nhu cầu mua hàng của khách hàng; giữa Công ty TNHH MTV H và ông Nguyễn Viết T không phát sinh quan hệ mua bán hàng hóa mà chỉ thực hiện việc giao nhận hàng hóa.

- Tại văn bản ngày 25/6/202, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP C trình bày:

Việc chuyển số tiền thanh toán 141.910.997 đồng cho Công ty cổ phần tập đoàn H được thực hiện dựa trên cơ sở đề nghị của bà Trần Thị H. Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh Bắc Nghệ An tiếp nhận yêu cầu nộp số tiền 199.949.887 đồng từ bà Hồng sau đó hạch toán chuyển vào tài khoản của Công ty H là hoàn toàn hợp lệ theo chức năng trung gian thanh toán của Ngân hàng thương mại. Ngân hàng không có trách nhiệm tìm hiểu giao dịch trên của bà Trần Thị H đã được sự đồng ý của ông Nguyễn Viết T hay không. Đối với vụ việc tranh chấp số tiền 199.949.887 đồng là tranh chấp dân sự giữa ông Nguyễn Viết T và Công ty H, Ngân hàng chỉ là bên cung cấp dịch vụ thanh toán chuyển tiền theo yêu cầu của khách hàng bà Trần Thị H.

- Tại văn bản ngày 23/5/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Viết T1 trình bày:

Vào các ngày 10/7/2019 và 11/7/2019 do bố anh là ông Nguyễn Viết T không có mặt ở kho hàng nên khi xe của Công ty H đến năn nỉ giao hàng thì anh có nhận hàng và ký vào phiếu giao hàng. Khi ông T về thì có gọi điện hỏi trạm Vinh sao không có kế hoạch giao hàng mà vẫn đưa hàng đến thì được trạm Vinh trả lời là do trời đã tối nên trạm Vinh xin gửi hàng vào kho và hàng trong hệ thống của công ty sẽ luân chuyển sau.

- Tại Bản tự khai ngày 23/5/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H trình bày:

Do ông T có ký 01 hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của ông để thực hiện một kế ước vay vốn Ngân hàng C – Chi nhánh Bắc Nghệ An với số tiền 1 tỷ đồng nhằm mục đích phục vụ sản xuất, kinh doanh, trong đó có kinh doanh ống nhựa. Vì vậy, khi Công ty H yêu cầu chuyển tiền thanh toán, do ông T đang điều trị bệnh tại Bệnh viện K, cán bộ Ngân hàng đã đến nhà đe dọa bà nếu không thanh toán tiền cho Công ty H thì Ngân hàng sẽ chuyển tiền vay của ông T sang nợ quá hạn và ông T sẽ bị xử lý theo quy định của hợp đồng vay vốn. Trong tình thế quẫn bách đó bà đã bỏ tiền ra trả tiền mặt số tiền 58.039.000 đồng và làm giấy ủy quyền cho ông T ký ủy quyền cho bà ra Ngân hàng làm thủ tục chuyển tiền vay của ông T để thanh toán công nợ cho Công ty H

141.910.887 đồng. Việc ông T ký giấy ủy quyền cho bà không phải do ông T tự nguyện vì thực chất những sai phạm của Công ty H vẫn chưa được xử lý

- *Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An:*

Về thủ tục tố tụng, quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa đã bảo đảm đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 BLTTDS đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu khởi kiện đã rút. Đối với yêu cầu khởi kiện còn lại về việc thu hồi số hàng tồn kho là không có căn cứ chấp nhận vì giữa nguyên đơn và bị đơn đã có xác nhận công nợ, đã thanh toán và chấm dứt hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Một trong những người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Việt T là ông Nguyễn Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, tại phiên tòa có mặt người đại diện của nguyên đơn là ông Nguyễn Trọng V; những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP C, bà Trần Thị H, anh Nguyễn Việt T1, Công ty Hoa Sen H đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định của Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn Công ty H về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại 60.000.000 đồng, phạt vi phạm hợp đồng là 15.995.990 đồng và trả tiền lãi 19.949.887 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu khởi kiện đã rút. Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Công ty H thu hồi lại số hàng tồn kho theo danh mục kèm theo Đơn khởi kiện, thay đổi yêu cầu trả lại số tiền 199.949.887 đồng thành yêu cầu Công ty H hoàn lại cho ông T số tiền tương ứng với đơn giá các mặt hàng mà Công ty H nhận lại theo đơn giá Công ty H đã bán cho ông T.

[3] Xét thấy, giữa Công ty H với ông Nguyễn Việt T (hộ kinh doanh cá thể) có ký với nhau hợp đồng nguyên tắc số 27-MB/HĐNT/2019 ngày 07/6/2019 (Hợp đồng). Căn cứ vào nội dung hợp đồng thể hiện rõ đây là hợp đồng mua bán hàng hóa chứ không phải hợp đồng đại lý như phía ông T trình bày theo Đơn khởi kiện. Tại phiên tòa, cả đại diện của nguyên đơn và đại diện của bị đơn đều xác nhận đây là hợp đồng mua bán hàng hóa.

[4] Theo Hợp đồng bên Công ty H bán ống nhựa và phụ kiện ống nhựa cho bên mua là ông Nguyễn Việt T. Trong Hợp đồng cũng nêu rõ khi phát sinh nhu cầu mua bán thì bên mua đặt hàng bằng văn bản hoặc xác nhận đặt hàng thông qua fax, scan, thư điện tử. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông T cho rằng sau khi hai bên ký kết hợp đồng mua bán thì ông T chưa thực hiện việc đặt hàng đơn hàng nào cả mà do Công ty H tự ý giao hàng cho ông T nên đã giao những mặt hàng khó tiêu thụ. Trong đó có 02 phiếu giao hàng cùng

ngày 19/6/2019 (phiếu 123.2727392 và phiếu 124.2727515) ông T chỉ là đơn vị vận chuyển chở hàng về để ở kho của ông T chứ ông T không phải là bên mua và 03 phiếu giao hàng Công ty H giao cho anh T1 là con ông T nhận ngày 10/7/2019 và 11/7/2019 là để gửi ở kho của gia đình ông T. Tuy nhiên, căn cứ vào Biên bản đối chiếu công nợ ngày 07/8/2019 hai bên đã ký xác nhận số nợ là 199.949.887 đồng, bao gồm tổng số tiền hàng là 243.766.576 đồng (02 phiếu giao hàng ngày 29/6/2019, 02 phiếu giao hàng ngày 10/7/2019, 01 phiếu giao hàng ngày 11/7/2019, 01 phiếu giao hàng ngày 22/7/2019 và 01 phiếu giao hàng ngày 26/7/2019) trừ đi tổng số tiền đã thanh toán là 43.816.688 đồng, số tiền nợ còn lại đã được hai bên xác nhận là 199.949.887 đồng. Đồng thời, trong biên bản làm việc ngày 15/11/2019 chính ông T cũng xác định: “*Công nợ khách hàng đang nợ tại cửa hàng Vinh là 149.949.887 đồng...*”; Biên bản ngày 15/12/2019 hai bên tiếp tục xác lập biên bản công nợ với số nợ 141.910.887 đồng sau khi đã trừ ra số tiền đã thanh toán 58.039.000 đồng (theo bà H trình bày là do bà H thanh toán thay cho ông T). Như vậy, mặc dù không có đơn đặt hàng theo đúng hình thức thỏa thuận trong hợp đồng nhưng số hàng trên ông T đã nhận và đã có xác nhận công nợ với bên bán Công ty H, tức là hai bên đã thực hiện hợp đồng mua bán trên thực tế. Ông T cũng không có chứng cứ nào thể hiện ông có khiếu nại về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa mà bên bán đã giao.

[5] Về việc hai bên lập biên bản làm việc ngày 15/11/2019, thực chất đây là việc Chi nhánh Nghệ An hỗ trợ ông T tiêu thụ hàng hóa còn tồn đối với những mặt hàng thông dụng ở thị trường Nghệ An. Ngoài ra, đối với những mặt hàng khó tiêu thụ ở thị trường Nghệ An thì Chi nhánh Nghệ An sẽ xin ý kiến để xử lý thu hồi cho khách hàng. Biên bản này do nhân viên của Chi nhánh Nghệ An lập, không có chữ ký, con dấu của người đại diện hợp pháp của Công ty H, nội dung buổi làm việc cũng chỉ thể hiện là Chi nhánh sẽ xin ý kiến về việc xử lý thu hồi đối với số hàng khó tiêu thụ. Hơn nữa, mặc dù tại biên bản này có nội dung Chi nhánh sẽ xin ý kiến xử lý thu hồi đối với các mặt hàng khó tiêu thụ ở thị trường Nghệ An nhưng hai bên không đưa ra tiêu chí nào để xác định hàng nào là hàng khó tiêu thụ và tại thời điểm lập biên bản này cũng không có danh sách cụ thể những mặt hàng nào là hàng khó tiêu thụ nên nội dung này là một nội dung không cụ thể, không thể thực hiện được và được xác lập bởi người không có thẩm quyền nên không có giá trị pháp lý buộc các bên phải thực hiện. Sau ngày lập Biên bản này Công ty H có chính thức gửi văn bản yêu cầu ông T thanh toán nợ (Thông báo đề nghị thanh toán nợ ngày 31/12/2019) và ông T cũng đã ủy quyền cho vợ ông là bà Trần Thị H thực hiện việc thanh toán số nợ tiền hàng cho Công ty H thông qua Ngân hàng C – Chi nhánh Bắc Nghệ An. Như vậy, chứng tỏ giữa Công ty H và ông T chưa có sự thỏa thuận chính thức nào về việc Công ty H sẽ thu hồi hàng hóa đã bán cho ông T. Vì vậy, nay ông T chỉ căn cứ vào Biên bản làm việc ngày 15/11/2019 để khởi kiện yêu cầu Công ty H phải thu hồi số hàng hóa còn tồn theo danh mục kèm theo Đơn khởi kiện và hoàn lại cho ông T số tiền mà ông T đã thanh toán theo đơn giá Công ty H đã bán là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Viết T.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông Nguyễn Viết T là người già và có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn toàn bộ án phí, theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 50 Luật Thương mại; Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 144, 147, 228, 244 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử:

1 Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Viết T về việc yêu cầu bị đơn Công ty cổ phần tập đoàn H bồi thường thiệt hại 60.000.000 đồng, phạt vi phạm hợp đồng là 15.995.990 đồng và trả tiền lãi 19.949.887 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Viết T đối với bị đơn Công ty cổ phần tập đoàn H về việc yêu cầu bị đơn Công ty cổ phần tập đoàn H phải thu hồi lại số hàng tồn (theo danh mục hàng tồn kèm theo Đơn khởi kiện) và hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Viết T số tiền hàng tương ứng theo đơn giá Công ty cổ phần tập đoàn H đã bán cho ông Nguyễn Viết T đối với các mặt hàng thu hồi lại.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Viết T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSNDTP. Dĩ An (01);
- CC THA DS TP. Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VT (02), hồ sơ (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Thanh